

BÁO CÁO

Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, xuất nhập khẩu và các khó khăn, vướng mắc trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện các Công văn của Bộ Tài chính số 8126/BTC-NSNN ngày 01/8/2023 về việc triển khai Quyết định số 853/QĐ-TTg ngày 17/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ và số 11384/BTC-NSNN ngày 17/10/2023 về chuẩn bị nội dung làm việc của Đoàn công tác Chính phủ làm việc với các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa; qua rà soát, tổng hợp, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, xuất nhập khẩu 9 tháng năm 2023 và các khó khăn, vướng mắc trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, XUẤT NHẬP KHẨU

1. Tình hình sản xuất, kinh doanh

Trong 9 tháng năm 2023, tỉnh Bình Định đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành phải quyết tâm, giữ vững tinh thần vượt khó, chủ động thích ứng, linh hoạt, hành động quyết liệt, khoa học, hiệu quả, tích cực đổi mới, sáng tạo theo tinh thần chủ đề điều hành của Chính phủ ***“Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”***; theo dõi sát tình hình thực tiễn, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, xúc tiến mở rộng thị trường và thu hút đầu tư đến với tỉnh. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội 9 năm 2023 của tỉnh Bình Định duy trì được sự ổn định và từng bước phục hồi, phát triển.

Tốc độ tăng trưởng GRDP 9 tháng tăng 6,92%; cao hơn trung bình chung cả nước (tăng 4,24%), xếp thứ 07/14 địa phương vùng miền Trung và thứ 1/5 địa phương vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Tất cả các khu vực kinh tế đều đạt mức tăng trưởng dương¹.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn nhưng với các biện pháp đồng bộ được triển khai từ trung ương và tỉnh, hoạt động sản xuất công nghiệp trong 9 tháng đầu năm vẫn duy trì sự tăng trưởng. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 9 tăng 2,68% so với cùng kỳ; tính chung 9 tháng năm 2023 tăng 1,51% so với cùng kỳ. Trong tháng 9/2023, dự án Nhà máy Kurz Việt Nam tại Khu

¹ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,25%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,57% (riêng Công nghiệp tăng 4,68%, Xây dựng tăng 21,22%), khu vực dịch vụ tăng 7,69%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,97%.

Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định đã được khánh thành và đưa vào hoạt động. Dự án được kỳ vọng góp phần nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu và nguồn thu cho ngân sách địa phương thời gian tới.

Về đầu tư nước ngoài (FDI): Từ đầu năm đến nay tỉnh thu hút 06 dự án FDI đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đầu tư 46,2 triệu USD; có 05 dự án điều chỉnh tăng vốn với tổng vốn điều chỉnh tăng 46,5 triệu USD. Tính đến nay, toàn tỉnh có 91 dự án FDI với tổng vốn đăng ký trên 1,19 tỷ USD, qua đó giải quyết một lượng lớn lao động địa phương và thu hút lực lượng lao động chất lượng cao làm việc tại Bình Định.

Về đầu tư trong nước: Toàn tỉnh thu hút mới 62 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 13.387 tỷ đồng, thực hiện điều chỉnh 59 dự án với vốn tăng thêm 3.496 tỷ đồng. Một số dự án lớn đã được chấp thuận chủ trương trong thời gian qua như dự án Nhà máy gạch, ngói Takao với tổng vốn đầu tư 1.920 tỷ đồng; Nhà máy sản xuất và chế biến gỗ Tekcom Central với tổng vốn đầu tư 980 tỷ đồng; Dự án Trung tâm Giết mổ gia súc, gia cầm và Chế biến thực phẩm San Hà Bình Định với tổng vốn đầu tư 220 tỷ đồng...

Về phát triển doanh nghiệp: Lũy kế từ đầu năm đến nay đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 855 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 7.537 tỷ đồng (So với cùng kỳ năm trước, giảm 13,2% về số doanh nghiệp đăng ký và giảm 11,9% về vốn đăng ký).

2. Tình hình đầu tư xây dựng

- *Đầu tư xã hội:* Tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh 9 tháng năm 2023 đạt 31.134,9 tỷ đồng, tăng 16,8% so với cùng kỳ, bao gồm: vốn khu vực Nhà nước đạt 12.010,3 tỷ đồng, tăng 20,3%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 18.076,6 tỷ đồng, tăng 15,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 1.048 tỷ đồng, tăng 1,5% so với cùng kỳ.

- *Đầu tư công:* Trong năm, UBND tỉnh đã tổ chức các Hội nghị về triển khai, chỉ đạo giải ngân vốn đầu tư công. Bên cạnh đó đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Đồng thời đã thành lập các tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

Nhờ đó, kết quả giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh đạt kết quả khá tích cực luôn, luôn nằm trong nhóm các tỉnh có tỷ lệ giải ngân thuộc nhóm dẫn đầu của cả nước. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đến 10/10/2023 là 6.027,5 tỷ đồng. So với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (7.630,637 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân đạt 81,35%; so với Kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao (9.634,164 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân đạt 64,43% kế hoạch vốn. Trong đó giá trị giải ngân một số nguồn vốn như sau: Vốn ngân sách địa phương đạt 60,76%; vốn ngân sách trung ương đạt 73,38%.

UBND tỉnh đã tổ chức Lễ khánh thành tuyến đường ven biển đoạn đoạn Cát Tiên – Mỹ Thành; Lễ khởi công tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D

đến Quốc lộ 19 mới; Tuyến đường kết nối từ quốc lộ 19 đến Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Becamex VSIP Bình Định... Tập trung thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn qua địa bàn tỉnh, đến nay đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư đạt 96,7% chiều dài tuyến. Bên cạnh đó, đã tăng cường kiểm tra, đôn đốc khẩn trương hoàn tất thủ tục đầu tư các dự án, công trình mới theo quy định; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công các dự án, công trình trọng điểm đang triển khai trên địa bàn: Đường ven biển (đoạn Cát Tiến - Diêm Vân), đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Vân, các tuyến đường ngang kết nối Đông - Tây, các dự án tại Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa, đập dâng Phú Phong và các công trình trên lĩnh vực văn hóa, lịch sử...

3. Tình hình xuất nhập khẩu

3.1. Về xuất khẩu

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến các hoạt động xuất, nhập khẩu của tỉnh. Đơn hàng hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh sụt giảm, thị trường xuất khẩu một số ngành hàng bị thu hẹp, nhiều doanh nghiệp chưa tìm được các đơn hàng mới, nhu cầu tiêu dùng xuống thấp, dẫn tới giá trị đơn hàng giảm. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 9/2023 ước đạt 150,3 triệu USD, tăng 37,2% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng ước đạt 1.154 triệu USD, đạt 72,2% kế hoạch năm và giảm 6,4% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ như: hàng dệt may tăng 24,2%; gỗ tăng 3,1%; sản và sản phẩm từ sản tăng 40,4%...

3.2. Nhập khẩu

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 9 ước đạt 35,2 triệu USD, tăng 0,3% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 321,9 triệu USD, giảm 8,8% so với cùng kỳ. Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu là nguyên, nhiên, vật phụ liệu và máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu.

4. Về thu chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2023 là 8.407,7 tỷ đồng, đạt 61,6% dự toán năm, giảm 31,1% so với cùng kỳ; trong đó, thu nội địa (trừ tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại) là 4.799,7 tỷ đồng, đạt 69,3% dự toán năm và giảm 3,4% so với cùng kỳ. Riêng thu tiền sử dụng đất là 3.025 tỷ đồng, đạt 55% dự toán năm, giảm 44,4% so với cùng kỳ; thu hoạt động xuất nhập khẩu là 327,7 tỷ đồng, đạt 32,8% dự toán năm, giảm 54,8% so với cùng kỳ.

Chi ngân sách nhà nước là 13.336,2 tỷ đồng, đạt 60,2% dự toán năm và tăng 0,2% so với cùng kỳ; trong đó, chi thường xuyên là 6.470 tỷ đồng, đạt 74,8% dự toán năm, tăng 0,8% so với cùng kỳ.

5. Tình hình khác có liên quan

5.1. Tình hình sử dụng lao động nước ngoài tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Thời gian qua, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh được các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp triển khai tích cực, hiệu quả, từng bước nâng cao chất lượng nội dung lẫn hình thức tuyên truyền. Từ đó, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động nước ngoài của các tổ chức, doanh nghiệp. Định kỳ các đơn vị gửi báo cáo bằng văn bản liên quan tình hình người nước ngoài làm việc tại đơn vị báo cáo gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (cơ quan thường trực) tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý lao động nước ngoài đang làm việc tại địa phương cũng được quan tâm thực hiện thường xuyên, nhưng chủ yếu là kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các nhà thầu chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động nước ngoài tại Việt Nam.

5.2. Về chính sách tín dụng

Về cho vay theo các chương trình an sinh xã hội: Tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Định đến 30/9/2023 ước đạt 6.122 tỷ đồng, tăng 10,57% so với 31/12/2022 và tăng 15,18% so với cùng kỳ. Trong đó: cho vay hộ nghèo chiếm 12,7%; cho vay hộ cận nghèo chiếm 17,3%; cho vay hộ mới thoát nghèo chiếm 8,8%; cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường chiếm 13,1%, cho vay giải quyết việc làm chiếm 10,5%... trên tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách.

Trong tháng 9, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác của tỉnh làm việc với các Hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng nhằm nắm bắt, giải quyết và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc tiếp cận, hấp thụ vốn tín dụng trên địa bàn tỉnh. Qua đối thoại trực tiếp tại các buổi làm việc cùng các Hiệp hội, doanh nghiệp và kết hợp khảo sát thông tin bằng phiếu khảo sát, đa số các Hiệp hội, doanh nghiệp đều báo cáo và nhận định tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại của các doanh nghiệp trên địa bàn đã và đang gặp nhiều khó khăn, nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong và ngoài nước đều giảm mạnh, thị trường bị thu hẹp dẫn tới số lượng đơn hàng và giá trị đơn hàng đều giảm nhiều so với các năm trước; chi phí đầu vào tăng (xăng dầu, điện...), lượng hàng tồn kho lớn (tồn kho nguyên vật liệu gỗ, đá...) trong khi đầu ra khó khăn; bên cạnh đó các khách hàng truyền thống của doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn tương tự dẫn đến số đơn đặt hàng cũng giảm sút, các điều kiện thanh toán cũng ngày càng khó khăn hơn (nhiều đối tác khi đặt hàng yêu cầu được thanh toán chậm, không đặt cọc trước...).

Đồng thời lãi suất cho vay (VND, USD) của các Ngân hàng thương mại trên địa bàn đã giảm so với đầu năm 2023 nhưng vẫn còn cao so với khả năng của các doanh nghiệp (do tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay còn khó khăn, ảnh hưởng đến dòng tiền để trả nợ vay của các doanh nghiệp), phí dịch vụ đã giảm so với đầu năm 2023 tuy nhiên có sự chênh lệch các mức phí giữa các Ngân hàng thương mại trên địa bàn. Thủ tục và điều kiện để tiếp cận vốn từ các Ngân hàng thương mại còn gặp khó khăn, cụ thể là trường hợp doanh nghiệp còn hạn mức tín dụng và tài sản bảo

đảm đáp ứng đầy đủ nhưng không được Ngân hàng thương mại cho vay. Nguyên nhân là do các Ngân hàng thương mại thực hiện cho vay dựa trên các thẩm định, đánh giá tính khả thi các phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (theo từng hợp đồng, đơn hàng cụ thể), trong khi đó do tình hình còn khó khăn nên số đơn hàng đã giảm mạnh hoặc tại thời điểm đề nghị vay vốn thì doanh nghiệp không có đơn hàng hoặc không có phương án kinh doanh khả thi vì vậy doanh nghiệp không vay được vốn từ các Ngân hàng thương mại để chuẩn bị nguyên vật liệu dự phòng cho các đơn hàng giai đoạn cuối năm 2023.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÁC THÁNG CUỐI NĂM 2023

Năm 2023, tỉnh Bình Định phấn đấu tổng sản phẩm địa phương **GRDP tăng 7,0-7,5%**. Để đạt được chỉ tiêu nhiệm vụ chung đó, tỉnh Bình Định tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong các tháng cuối năm năm 2023 như sau:

1. Xây dựng hoàn chỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi Quy hoạch được duyệt, khẩn trương tổ chức công bố để làm cơ sở triển khai thực hiện trong thời gian tới.

2. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Tập trung ứng dụng cơ giới hóa, khoa học công nghệ vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, vật nuôi... phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất; tiếp tục khắc phục cảnh báo của Ủy ban châu Âu về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo theo quy định (IUU). Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng nông thôn mới. Chủ động phương án, xây dựng các kịch bản phòng chống, ứng phó với thiên tai, bão lũ...

3. Kịp thời theo dõi, nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp kích cầu, thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, đẩy mạnh tiêu thụ nông sản, sản phẩm do người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sản xuất với tinh thần “Người Bình Định ưu tiên dùng hàng Bình Định”.

4. Tăng cường theo dõi, giám sát, đôn đốc 14 dự án công nghiệp dự kiến đi vào hoạt động trong quý IV năm 2023, trong đó có 05 dự án trọng điểm (tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng) đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn và Cảng chuyên dùng Khu liên hợp gang thép Long Sơn.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước, trong đó chú trọng thu hút đầu tư các doanh nghiệp có quy mô lớn, công nghệ sản xuất hiện đại làm động lực phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên mời gọi, thu hút các dự án giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, nuôi tôm công nghệ cao, chế biến nông, lâm sản... Tập trung chỉ đạo hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu, cụm công nghiệp gắn với đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng (GPMB) để nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án, góp phần nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư. Hoàn thành công tác bồi

thường, GPMB và tái định cư dự án đường bộ Cao tốc Bắc – Nam phía Đông, đoạn qua địa bàn tỉnh.

5. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm gắn với giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thực hiện tốt các nội dung của các Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo yêu cầu, quy định, phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các chương trình. Phấn đấu đến 31/12/2023 giải ngân đạt 95% kế hoạch vốn năm 2023.

6. Phấn đấu thu ngân sách đạt kế hoạch đề ra, huy động vốn cho đầu tư, phát triển. Tăng cường điều hành dự toán ngân sách bằng các biện pháp khai thác tốt các nguồn thu, kích thích tạo nguồn thu mới, chống thất thu, nợ đọng thuế. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình sử dụng ngân sách nhà nước..

7. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống và giải quyết các yêu cầu chính đáng của người dân. Làm tốt công tác tuyên truyền, thông tin kịp thời đến người dân về các chủ trương, chính sách, các dự án lớn trên địa bàn để người dân hiểu và đồng thuận.

8. Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai,... Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; thực hiện đồng bộ, nhiều giải pháp để cải thiện kết quả các Chỉ số cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

III. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Về thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng

- Việc dành quỹ đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ tuy phù hợp với một số tỉnh, thành có nhu cầu nhà ở xã hội lớn, nhưng không phù hợp với một số địa phương có nhu cầu về nhà ở xã hội không nhiều trong đó có tỉnh Bình Định, dẫn đến khủng hoảng thừa quỹ đất, hiệu quả sử dụng đất ở tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị không phát huy hết.

- Quy định UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm tại khoản 2 Điều 15 Luật Nhà ở năm 2014 là chưa phù hợp với thực tế (*Vì thời gian 01 năm không thể hoàn thành việc lập thủ tục đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng, giao đất, xây dựng hoàn thành 1 sản phẩm nhà ở*).

- Tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội quy định “*Đối với dự án nhà ở xã hội chỉ để cho thuê thì chủ đầu tư chỉ được bán sau thời gian tối thiểu là 10 năm kể từ khi hoàn thành bàn giao để cho thuê và chỉ được bán cho các đối tượng quy định tại Điều 49 của Luật Nhà ở, với giá bán tối đa bằng giá bán nhà ở xã hội cùng loại tại cùng địa điểm*”, việc quy định chỉ được bán sau thời gian tối thiểu 10 năm kể từ khi hoàn thành bàn giao là không hợp lý, vì tại một số địa phương người dân không có nhu cầu thuê (chỉ có nhu cầu mua), việc quy định này sẽ gây thiệt hại kinh tế cho các chủ đầu tư dự án (chôn vốn, nhà để trống sẽ mau xuống cấp).

- Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, đã bãi bỏ cơ chế hỗ trợ, ưu đãi chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, công trái quốc gia, trái phiếu, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trên diện tích đất được xác định để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định để cho thuê, cho thuê mua đối với việc dành 20% tổng diện tích đất ở để đầu tư xây dựng nhà ở thương mại (quy định điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ). Ngoài ra, tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ đã bãi bỏ cơ chế ưu đãi chủ đầu tư dự án được miễn, giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 của Luật Nhà ở và pháp luật về thuế có liên quan (quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP). Việc bãi bỏ các cơ chế hỗ trợ, ưu đãi chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội nêu trên đã góp phần tăng giá bán, cho thuê, cho thuê mua và tăng kinh phí dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội sau khi đầu tư. Dẫn đến đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội, nhất là hộ nghèo, cận nghèo, người có thu nhập thấp, công nhân khó tiếp cận sở hữu được nhà ở để an cư, an tâm làm việc; đồng thời hạn chế khuyến khích và không hấp dẫn các doanh nghiệp tham gia vào phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 51 Luật Nhà ở năm 2014 quy định điều kiện được hưởng chính sách nhà ở xã hội là *“Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống, học tập hoặc có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người trong hộ gia đình thấp hơn mức diện tích nhà ở tối thiểu do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ và từng khu vực”*, không quy định chưa có đất ở. Tuy nhiên, tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định *“Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có trách nhiệm gửi Danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên (theo nguyên tắc quy định tại Điều 23 Nghị định này) về Sở Xây dựng địa phương nơi có dự án để kiểm tra nhằm xác định đúng đối tượng được hỗ trợ và loại trừ việc người được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được hỗ trợ nhiều lần hoặc đã có nhà ở, đất ở; đã được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở; có phát sinh nộp thuế thu nhập cá nhân tại địa phương. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan thuế tại địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng để kiểm tra thông tin theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về kết quả xác minh”*, quy định thêm đã có đất ở. Vậy giữa Luật Nhà ở và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ không thống nhất với nhau.

- Tại điểm c khoản 1 Điều 51 Luật nhà ở 2014 quy định điều kiện về thu nhập được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, cụ thể: *“Đối với đối tượng quy định tại*

các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật này thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Đối với đối tượng quy định tại các khoản 1, 8, 9 và 10 Điều 49 của Luật này thì không yêu cầu phải đáp ứng điều kiện về thu nhập theo quy định tại điểm này.”. Tại Điều 22 Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10 /2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, trong đó tại điểm a khoản 5 quy định “a) Các đối tượng quy định tại khoản 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật Nhà ở phải có xác nhận của cơ quan, đơn vị mà người đó đang làm việc về mức thu nhập thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân;”. Trong khi tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định “Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có trách nhiệm gửi Danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên (theo nguyên tắc quy định tại Điều 23 Nghị định này) về Sở Xây dựng địa phương nơi có dự án để kiểm tra nhằm xác định đúng đối tượng được hỗ trợ và loại trừ việc người được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được hỗ trợ nhiều lần hoặc đã có nhà ở, đất ở; đã được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở; có phát sinh nộp thuế thu nhập cá nhân tại địa phương”. Như vậy, cụm từ quy định về điều kiện thu nhập để hưởng chính sách nhà ở xã hội giữa Luật Nhà ở và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, trong các điều khoản trước sau của Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ không thống nhất với nhau; đồng thời chưa có quy định rõ việc xác định về “thu nhập thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân” dẫn đến khó thực hiện.

2. Đối với Dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2021 – 2025, qua địa phận tỉnh Bình Định

- Tính đến tháng 8/2023, trên địa bàn tỉnh diện tích các đơn vị đăng ký trồng rừng thay thế năm 2023 là 90ha và đã được UBND tỉnh bố trí trồng rừng thay thế. Trong khi tổng diện tích cần chuyển mục đích sử dụng rừng phục vụ Dự án cao tốc hiện nay khoảng 202,87ha, do đó địa phương phải gửi hồ sơ trồng rừng thay thế về Bộ Nông nghiệp và PTNT để bố trí trồng rừng thay thế ở tỉnh khác, nhưng việc bố trí trồng rừng ở các tỉnh khác mất rất nhiều thời gian, không phù hợp với thời gian quy định², làm chậm công tác chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, gây ảnh hưởng tiến độ dự án.

- Chủ đầu tư chậm bàn giao hồ sơ và ranh, mốc giới bãi thải, một số mỏ vật liệu, trạm dừng nghỉ và phạm vi chiếm dụng đất rừng tuyến chính cao tốc phát sinh phải chuyển mục đích, làm chậm việc thực hiện rà soát, tổng hợp của địa phương để trình HĐND tỉnh chuyển mục đích sử dụng rừng.

3. Về chính sách tín dụng

² Tại Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Tình hình khó khăn chung của thị trường là nguyên nhân chính và trực tiếp tác động tiêu cực đến khả năng hấp thụ vốn tín dụng của nền kinh tế và khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, cụ thể: cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu lớn (Mỹ, Châu Âu...) và trong nước đều suy giảm; các ngành nghề xuất khẩu, du lịch chưa phục hồi hoàn toàn, tình trạng thiếu hụt đơn hàng xuất khẩu (các ngành gỗ xuất khẩu, thủy sản...), chi phí đầu vào tăng cao, lượng hàng tồn kho lớn nhưng không tìm được đầu ra... làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa đáp ứng được điều kiện vay vốn tại các TCTD dẫn tới khả năng tiếp cận vốn tín dụng còn hạn chế, một số nguyên nhân chủ yếu như: thiếu phương án kinh doanh khả thi, tình hình tài chính thiếu minh bạch, khả năng quản trị điều hành doanh nghiệp còn yếu...

4. Về thị trường

Thời gian qua, các doanh nghiệp xuất khẩu lớn trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn trong hoạt động xuất khẩu do nhiều quốc gia tiếp tục thắt chặt chỉ tiêu trước tình trạng lạm phát cao, lượng hàng tồn kho tại các thị trường hiện đang rất lớn, dẫn đến các doanh nghiệp phải sản xuất cầm chừng và cắt giảm số lượng lao động. Tình trạng sụt giảm, thậm chí mất hẳn đơn hàng ngành gỗ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tại các thị trường chính như: Mỹ, EU, Anh,... diễn ra rất phổ biến trong ngành gỗ trên địa bàn tỉnh nói riêng và ngành gỗ cả nước nói chung. Trước tình hình giảm cầu tại các thị trường xuất khẩu chính, nhiều khách hàng, nhà nhập khẩu còn gây áp lực giảm giá bán lên các nhà máy sản xuất, xuất khẩu sản phẩm gỗ. Hiện tại, một số doanh nghiệp chấp nhận sản xuất đón đầu một lượng nhỏ hàng hóa để giữ một bộ phận công nhân, người lao động chờ thị trường phục hồi trong dịp mua sắm cuối năm 2023.

Cũng từ nguyên nhân thiếu đơn hàng ảnh hưởng cả nước nên thu nhập và tâm lý của doanh nghiệp, của người lao động trước áp lực lạm phát trở nên hạn chế chi tiêu, nhu cầu giảm hầu hết ở các ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ...

5. Về cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú trên địa bàn còn hạn chế; chưa kết nối dữ liệu giữa các cơ quan đơn vị, địa phương trong tỉnh, dẫn đến công tác trao đổi thông tin trong công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại địa phương có lúc chưa đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ đề ra.

- Một số cơ quan, doanh nghiệp, người nước ngoài chưa nghiên cứu và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài nên vẫn còn xảy ra các vi phạm, tình trạng lao động không giấy phép, không đúng mục đích nhập cảnh, không đăng ký lưu trú, quá hạn thị thực.

- Việc quản lý lao động nước ngoài sau khi cấp giấy phép còn gặp khó khăn, ở một số doanh nghiệp người sử dụng lao động không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định như sau khi người nước ngoài được cấp giấy phép lao động không gửi bản hợp đồng lao động, khi người lao động nước ngoài không còn làm tại doanh

nghiep hoặc giấy phép lao động hết hạn không báo cáo với cơ quan cấp giấy phép lao động và còn tình trạng tuyển dụng, sử dụng người lao động nước ngoài khi chưa được cấp giấy phép lao động.

- Người sử dụng lao động có nhu cầu tuyển lao động nước ngoài chưa quan tâm tuyên truyền, cung cấp các quy định của pháp luật Việt Nam nên một số người lao động chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ còn chậm muộn.

- Hiện việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài qua mạng điện tử còn vướng trong khâu chấp thuận của UBND tỉnh vì phần mềm quản lý lao động nước ngoài của Cục Việc làm chưa liên thông với cổng điện tử của UBND tỉnh.

- Chưa có quy định về bằng đại học danh dự có được áp dụng đối với trường hợp vị trí công việc chuyên gia.

- Chưa có hướng dẫn cụ thể cách thức chứng minh giá trị góp vốn dưới 3 tỷ đồng của doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và tài liệu minh chứng đối với trường hợp “Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên; Là chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên”.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về chính sách tín dụng

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các Ngân hàng thương mại có phương án, giải pháp phù hợp theo hướng nới lỏng quy trình, quy định vay vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn tín dụng của các khách hàng, nhất là các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên khuyến khích phát triển và các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các tổ chức tín dụng tích cực triển khai các chương trình tín dụng, chính sách theo chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như: Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản (15.000 tỷ đồng); Chương trình tín dụng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và cải tạo chung cư cũ (120.000 tỷ đồng); Chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP; Chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN để góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Về phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản, nhà ở

- Có các cơ chế, chính sách thông thoáng, phù hợp và đơn giản hoá các thủ tục nhằm đẩy nhanh việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiếp cận các nguồn vốn vay, hỗ trợ... để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án, cung cấp sản phẩm ra thị trường.

- Chính phủ xem xét có quy định cơ chế hỗ trợ, ưu đãi nhà ở xã hội đảm bảo

khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, góp phần giảm giá bán, giá cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội.

- Phân cấp, phân quyền về cho địa phương thực hiện đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng từ 20 héc ta trở lên vào các mục đích khác theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

- Cần có chính sách chung nhằm đơn giản hóa quy trình vay vốn tín dụng, đồng thời giảm bớt các bước trung gian và thành phần hồ sơ; Hạn chế các yêu cầu bổ sung từ các ngân hàng liên quan đến việc tăng hạn mức vốn đối ứng đối với các chủ dự án đã thực hiện đối ứng 20% trên tổng vốn đầu tư cho dự án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không yêu cầu tài sản thế chấp bổ sung ngoài việc thế chấp chính dự án nhà ở xã hội đang được Ngân hàng tài trợ vốn vay.

3. Về đầu tư xây dựng trong Khu kinh tế Nhơn Hội

3.1. Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ: *“Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, chương trình phát triển đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc quyết định các khu vực phát triển đô thị theo thẩm quyền được quy định tại Điều 9 của Nghị định này”*; mục a, Khoản 1, Điều 9: *“1. Thủ tướng Chính phủ quyết định các khu vực phát triển đô thị dưới đây sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Xây dựng về các nội dung được quy định tại Khoản 3 Điều này a) Khu vực phát triển đô thị tại các đô thị có đồ án quy hoạch chung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”*.

Như vậy theo quy định về trách nhiệm lập, phê duyệt hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị thì Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Khu kinh tế Nhơn Hội sẽ được Bộ Xây dựng thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế xã hội cũng như thuận lợi trong công tác kêu gọi, thu hút đầu tư, phát triển các dự án đô thị, bất động sản, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ phân cấp về cho địa phương được phê duyệt Hồ sơ đề xuất các khu vực phát triển đô thị phù hợp với Quy hoạch chung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3.2. Theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ: *“Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với dự án do Quốc Hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; Dự án nhóm A; Dự án đầu tư xây dựng có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của 02 tỉnh trở lên”*. Đồng thời, theo quy định tại Điểm a Khoản 12 Điều 13 Nghị định 136/2020/ NĐ-CP ngày 24/11/2021 của Chính phủ: *“Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: Dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp 2 ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A theo quy định*

của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư)...”.

Qua rà soát, đa số các dự án du lịch trên địa bàn KKT Nhơn Hội có tổng mức đầu tư 800 tỷ đồng trở lên thuộc dự án nhóm A theo quy định tại Phụ lục 01 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020. Theo đó, các thủ tục chuẩn bị đầu tư như thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm duyệt thiết kế về PCCC... đối với các dự án này đều do cơ quan chuyên môn ở Trung ương thẩm định. Việc triển khai các thủ tục thẩm định theo quy định hiện tại dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện và tốn kém rất nhiều chi phí cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đối với các công trình sử dụng vốn khác, cơ quan quản lý nhà nước nên thực hiện quản lý theo cấp công trình như các quy định trước đây (đối với Trung ương là cấp đặc biệt, cấp I; địa phương là cấp II trở xuống).

Các quy định về phòng cháy chữa cháy hiện hành rất khắt khe, nhiều quy định, tần suất kiểm tra của cơ quan chức năng rất dày dẫn đến doanh nghiệp phải mất nhiều thời gian và chi phí tuân thủ, đây là áp lực rất lớn trong bối cảnh khó khăn hiện nay.

Do vậy, để tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ dự án, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng quan tâm xem xét nội dung *“phân cấp, ủy quyền, giao cho địa phương tổ chức thẩm định đối với các dự án sử dụng vốn khác có quy mô từ cấp I trở xuống, không phân biệt tổng mức đầu tư”*. Đồng thời, đề nghị cơ quan chức năng sớm điều chỉnh các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 220/CD-TTg ngày 5/4/2023 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy, đồng thời giảm tần suất kiểm tra hoặc công tác kiểm tra cần quy định tần suất phù hợp theo mức độ nguy cơ cháy theo từng ngành nghề

4. Dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2021 – 2025, qua địa phận tỉnh Bình Định

- Hiện nay, trữ lượng vật liệu Cát xây dựng trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ dự án Đường bộ cao tốc. Tuy nhiên, về trữ lượng Cát được cấp phép hiện tại không đủ; do đó, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép UBND các tỉnh khu vực miền Trung được phép quyết định nâng công suất không quá 50% công suất ghi trong giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông mà không phải lập lại dự án đầu tư điều chỉnh, báo cáo ĐTM (theo Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 19/10/2022 chỉ áp dụng cho các mỏ cát, sỏi lòng sông thuộc đồng bằng sông Cửu Long và Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 không áp dụng đối với cát, sỏi lòng sông, cửa biển).

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng diện tích đất lúa, đất rừng phục vụ dự án cao tốc *được tính riêng*, không tính vào chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.

- Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường cho bổ sung diện tích đất rừng và đất trồng lúa từ 02 vụ trở lên cần chuyển mục đích sử dụng

để thực hiện dự án (thay đổi so với Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15 ngày 11/7/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), cụ thể: Đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên 420,44 ha (tăng 88,95 ha); Đất rừng phòng hộ 37,96 ha (tăng 5,36 ha); Đất trồng rừng sản xuất 632,61 ha (tăng 151,27 ha).

- Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT khi UBND tỉnh chuyển hồ sơ nộp tiền trồng rừng thay thế về Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong thời gian chưa bố trí được quỹ đất trồng rừng thay thế ở tỉnh khác thì Bộ Nông nghiệp và PTNT có văn bản giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam *tạm thu tiền trồng rừng thay thế* để các chủ dự án nộp tiền và UBND tỉnh có cơ sở quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn sớm nghiên cứu tháo gỡ vướng mắc, có các giải pháp, hướng dẫn rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục trồng rừng thay thế nhằm đẩy nhanh thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng; hướng dẫn các địa phương tiếp tục thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 175/TB-VPCP ngày 11/5/2023 và thực hiện công tác quản lý, sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 94/NĐ-CP của Chính phủ, phù hợp với tình hình thực tế.

- Kính đề nghị Bộ GTVT sớm có ý kiến thống nhất đối với phần diện tích *đất nông nghiệp còn lại lớn hơn 200m²* nhưng không đủ điều kiện sản xuất thì được thu hồi và bồi thường hỗ trợ từ nguồn kinh phí của dự án cao tốc (*Theo quy định thì được thu hồi; tuy nhiên, phải có ý kiến thống nhất của Bộ GTVT để làm cơ sở cho các địa phương phê duyệt phương án thu hồi*).

5. Về cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài

Đề nghị Chính phủ sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP đề nghị quy định rõ bằng đại học danh dự có được áp dụng đối với trường hợp này không?

- Tại quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định: “Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên; Là chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên” đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể hơn tài liệu chứng minh giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.

- Tại quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ đề nghị bổ sung quy định: “Tốt nghiệp đại học tại các trường đại học ở Việt Nam và phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam”.

- Tại điểm b Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ đề nghị bổ sung quy định: “Bằng tốt nghiệp đại học đối với trường hợp tốt nghiệp đại học tại Việt Nam”.

Trên đây là Báo cáo sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh, các tồn tại, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ thúc đẩy phát triển, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, XD, CT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K1, K3, K6, K14.

ILP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Tự Công Hoàng